

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Điều khiển tàu biển

Mã ngành, nghề: 5840109

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hoá phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Thời gian khóa học: 2 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo:

Chương trình đào tạo trung cấp ngành Điều khiển tàu biển được thiết kế để đào tạo người học trở thành kỹ thuật viên về lĩnh vực Điều khiển tàu biển, làm việc được trên các tàu vận tải trong nước và quốc tế. Người học sau khi tốt nghiệp ngoài việc được cấp Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp sẽ phải tham gia các khóa huấn luyện để được cấp các chứng chỉ huấn luyện theo quy định của Công ước. Khi bắt đầu làm việc trên tàu biển, bắt buộc phải thực hiện đảm nhiệm từ chức danh thấp nhất là thủy thủ trực ca, sau thời gian làm việc theo quy định, khi đủ các điều kiện về thời gian, chứng chỉ huấn luyện sẽ được bố trí các chức danh cao hơn. Để hành nghề, người học phải có sức khỏe tốt, đạo đức nghề nghiệp, có đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng với công việc theo chức danh đảm nhiệm.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Ngành Điều khiển tàu biển được thiết kế để đào tạo người học có năng lực vận hành và sử dụng các hệ thống, trang thiết bị trên tàu, thiết bị hỗ trợ hàng hải, các Bộ luật liên quan đến ngành Điều khiển tàu biển cũng như các quy định của Việt Nam và quốc tế nhằm đảm bảo an toàn, an ninh cho tàu, người và hàng hoá, đảm bảo hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường biển trong suốt quá trình hoạt động; có đạo đức nghề nghiệp; có thái độ hợp tác với đồng nghiệp; có sức khỏe tốt nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đồng thời có khả năng học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kiến thức:

- Giải thích được các nội dung cơ bản về luật pháp và các công ước quốc tế liên quan mà Việt Nam tham gia khi hoạt động khai thác tàu tại vùng biển quốc tế và nước ngoài.

- Mô tả được các loại dây được sử dụng trên tàu biển và trình bày được cách sử dụng, bảo quản và bảo dưỡng các loại dây đó.

- Trình bày được về kỹ thuật gỡ gỡ, kỹ thuật bảo quản thiết bị trên boong, bảo quản vỏ tàu.

- Trình bày được công tác chuẩn bị trước khi điều động tàu, công tác lái tàu và công tác cảnh giới trong khi điều động tàu.

- Trình bày được công tác trực ca để duy trì ca trực an toàn.

- Mô tả được trình tự xác định phương hướng trên biển, vị trí tàu và lập kế hoạch tuyến đường, xác định sai số la bàn bằng địa văn.

- Trình bày được về cách thu bản đồ, bản tin thời tiết và các thông tin khí tượng hàng hải.

- Giải thích được một số nội dung liên quan về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để dẫn tàu an toàn.

- Mô tả được các phương pháp hỗ trợ để điều động tàu trong mọi điều kiện.

- Trình bày được các biện pháp thực hiện khi gặp tình huống nguy cấp xảy ra.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

b. Về kỹ năng:

- Thực hiện được các quy định về an toàn phương tiện, an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Lập được kế hoạch công việc bảo quản, bảo dưỡng cho bộ phận boong.

- Thực hiện được công tác thủy nghiệp, bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị ngành boong và vỏ tàu.

- Xác định được vị trí tàu trong các điều kiện khác nhau bằng Địa văn, La bàn từ, trang thiết bị Hàng hải, ứng dụng các phương tiện, công cụ hiện đại trong xác định vị trí tàu và xác định sai số la bàn.

- Sử dụng được thiết bị thu các bản tin thời tiết.

- Vận hành, khai thác, bảo dưỡng được các trang thiết bị Hàng hải như: radar, máy thu GPS, la bàn từ, la bàn điện, máy đo sâu, tốc độ kế, máy lái tự động, các hệ thống báo động, báo động an ninh, thiết bị thông tin lên lạc ... để dẫn tàu an toàn trong mọi tình huống.

- Dẫn tàu được trên biển trong điều kiện ngoại cảnh bình thường.

- Hỗ trợ điều động được tàu ra vào cầu, neo tàu, buộc tàu cũng như hành hải an toàn trong mọi điều kiện thời tiết.

- Thực hiện được các thủ tục, quy trình, công việc trực ca buồng lái, trực ca khi tàu neo, tàu làm hàng.

- Lựa chọn được thông tin và tài liệu để lập được kế hoạch tuyến đường.

- Tu chỉnh, ghi chép được các ấn phẩm hàng hải, hải đồ, các loại nhật ký ngành boong.

- Sử dụng được các trang thiết bị, dụng cụ trong tình huống nguy cấp.

- Thực hiện được các quy trình của Hệ thống quản lý an toàn của chủ tàu.

- Thực hiện được nhiệm vụ an ninh trên tàu.

- Vận dụng được Bộ luật Hàng hải, các công ước Quốc tế về Hàng hải để thực hiện nhiệm vụ theo chức danh trên tàu.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tuân thủ các quy định về pháp luật trong hoạt động hàng hải.

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, bảo vệ môi trường biển.

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.

- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn.

- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản thiết bị, vật tư trên tàu.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Thủy thủ trực ca OS;

- Thủy thủ trực ca AB;

- Thủy thủ phó;

- Thủy thủ trưởng;

- Thuyền phó 3 hạng tàu dưới 500GT;

- Thuyền phó 2 hạng tàu dưới 500 GT;

- Đại phó hạng tàu dưới 500GT;

- Thuyền trưởng hạng tàu dưới 500GT

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1620 (giờ)
- Số lượng môn học, mô đun: 29
- Khối lượng học tập các môn học chung: 255 (giờ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1365 (giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 494 (giờ); thực hành, thực tập: 1053 (giờ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I Năng lực cơ bản (năng lực chung)		
1	NLCB-01	Sử dụng tiếng anh giao tiếp cơ bản
2	NLCB-02	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản
3	NLCB-03	Áp dụng các kiến thức về chính trị, pháp luật
4	NLCB-03	Áp dụng các kiến thức về an ninh quốc phòng
5	NLCB-05	Duy trì sức khỏe
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
6	NLCL-01	Đọc hiểu các bản vẽ
7	NLCL-02	Đọc hồ sơ kết cấu tàu, phân biệt các kết cấu tàu
8	NLCL-03	Sử dụng tiếng anh chuyên ngành cơ bản
9	NLCL-04	Công tác thủy nghiệp, bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị trên boong và vỏ tàu
10	NLCL-05	Bảo đảm các quy định về an toàn phương tiện, an toàn lao động và bảo vệ môi trường
11	NLCL-06	Thực hiện được quy trình thông tin liên lạc hàng hải
12	NLCL-07	Xác định vị trí tàu trong các điều kiện khác nhau bằng Địa văn và La bàn từ, xác định sai số la bàn.
13	NLCL-08	Dự đoán cần thiết về các yếu tố khí tượng, hải dương để dẫn tàu an toàn.
14	NLCL-09	Vận hành, khai thác, bảo dưỡng được các trang thiết bị Hàng hải

15	NLCL-10	Vận dụng Bộ luật Hàng hải
16	NLCL-11	Phát hiện, nhận biết ý nghĩa của các đèn hiệu, dấu hiệu và tín hiệu được phát ra từ các tàu khác trong khi hành trình.
17	NLCL-12	Hỗ trợ điều động được tàu ra vào cầu, neo tàu, buộc tàu cũng như hành hải an toàn trong mọi điều kiện thời tiết
18	NLCL-13	Áp dụng các kiến thức vào thực tế trên tàu thực tập
III Năng lực nâng cao (Tự chọn)		
19	NLNC-01	Nghiệp vụ của bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu, bảo hiểm hàng hóa.
20	NLNC-02	Vận hành, khai thác theo đúng quy trình
21	NLNC-03	Ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

6. Nội dung chương trình

Mã MĐ/ MH	Tên mô đun, môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/TN/ TL	Thi/ Kiểm Tra
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
MH 01	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
MH 02	Tin học	2	45	15	29	1
MH 03	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 04	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 05	Giáo dục quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
MH 06	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	55	1365	400	905	60
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	8	180	87	85	8
MH 07	Vẽ kỹ thuật	2	60	29	28	3

MĐ 08	Lý thuyết tàu	2	30	28	0	2
MH 09	Tiếng Anh chuyên ngành hàng hải	4	90	30	57	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	41	1065	255	764	46
MĐ 10	Thủy nghiệp	4	90	30	54	6
MĐ 11	An toàn lao động hàng hải	2	45	15	27	3
MH 12	Bảo vệ môi trường biển	2	45	15	28	2
MH 13	Thông tin liên lạc hàng hải	2	45	13	30	2
MĐ 14	Thiết bị trên boong	2	45	13	29	3
MĐ 15	Bảo quản vỏ tàu	2	45	12	30	3
MH 16	La bàn từ	2	45	15	27	3
MĐ 17	Địa văn hàng hải 1	2	45	12	30	3
MĐ 18	Địa văn hàng hải 2	2	45	12	30	3
MĐ 19	Khí tượng hải dương	2	45	15	27	3
MĐ 20	Máy VTĐ hàng hải	2	45	15	27	3
MĐ 21	Máy điện hàng hải	2	45	15	27	3
MH 22	Luật hàng hải	2	30	28	0	2
MH 23	Thông hiệu và quy tắc tránh va	2	45	15	27	3
MĐ 24	Điều động tàu 1	2	45	15	28	2
MĐ 25	Điều động tàu 2	2	45	15	28	2
MĐ 26	Thực tập tốt nghiệp	7	315	0	315	0
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	6	120	58	56	6
MH 27	Bảo hiểm hàng hải	2	30	28	0	2
MH 28	Khai thác vận hành máy tàu thủy	2	45	15	28	2
MH 29	Tin học hàng hải	2	45	15	28	2
	Tổng cộng	66	1620	494	1053	73

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Hướng dẫn giảng dạy các môn học chung

- Các môn học chung: Người học phải hoàn thành trong chương trình đào tạo. Các môn học này có thể được bố trí học ghép theo khoa, theo nhóm ngành tùy theo điều kiện cụ thể.

- Môn học điều kiện: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng –An ninh là các môn học bắt buộc được bố trí giảng dạy cho người học trong chương trình

nhưng chỉ làm điều kiện để xét tốt nghiệp, không tính vào điểm trung bình chung học tập theo học kỳ, năm học và khóa học.

7.2. Các môn học, mô đun đào tạo nghề

- Các môn học, đơn vị năng lực bắt buộc phải được bố trí học theo từng kỳ phù hợp.

- Các năng lực tự chọn do Trường khoa đề xuất nếu có sự thay đổi so với các môn học, mô đun đã ghi trong chương trình đào tạo..

- Chương trình đào tạo có sự tương tác chặt chẽ giữa người dạy và người học, người dạy không chỉ đơn thuần là người truyền đạt kiến thức mà còn là người hướng dẫn và hỗ trợ người học trong quá trình học tập và phát triển bản thân.

7.3. Xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường.

- Tham gia các hoạt động bổ trợ khác để rèn luyện sinh viên.

- Tham gia các hoạt động Đoàn – Hội.

- Tham gia các Câu lạc bộ.

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các đơn vị sản xuất.

- Triển khai các chuyên đề mới.

7.4. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Thực hiện kiểm tra thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun theo quy chế đào tạo hiện hành.

- Điểm môn, mô đun học bao gồm: Điểm trung bình các bài kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi có trọng số 0,6.

7.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp chính quy

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo qui định hiện hành.

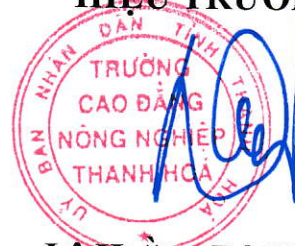
- Các môn thi tốt nghiệp:

- + Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời);

- + Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 1 đến 8 giờ.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết nghề	- Tự luận - Vấn đáp	- Không quá 180 phút - Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)
2	Thực hành nghề	- Tthực hành	- Từ 1 đến 8 giờ.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Hoàng Bá Huyền

